

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**



# **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: ĐỊA LÝ HỌC (ĐỊA LÝ DU LỊCH)**  
**TÊN TIẾNG ANH: GEOGRAPHY (TOURISM GEOGRAPHY)**  
**MÃ NGÀNH: 7310501**  
**KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ HÀNH VI**  
**KHOA QUẢN LÝ: KHOA ĐỊA LÝ**  
**TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC**  
**HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY**

**Đà Nẵng, 2021**



## MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	5
A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT .....	1
B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG .....	6
I. Triết lí giáo dục .....	6
II. Tầm nhìn .....	7
III. Sứ mạng .....	7
C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	7
I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – POs) .....	7
II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) ...	8
III. Ma trận Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	10
IV. Đối sánh CDR chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6): .....	14
V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học .....	16
VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp .....	16
VII. Chiến lược giảng dạy và học tập.....	17
D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	19
I. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	19
II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức.....	19
III. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học) .....	24
IV. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) .....	25
E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ .....	25
I. Quy trình đào tạo.....	25
II. Cách thức đánh giá và công cụ đánh giá .....	25
F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN .....	30
G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.....	40
H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	40

K. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....41

    I. Cập nhật chương trình đào tạo .....41

    II. Đánh giá chương trình đào tạo .....41

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BGD&ĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
CĐR	: Chuẩn đầu ra
SPĐL	: Sư phạm Địa lí
CTDH	: Chương trình dạy học
CTĐT	: Chương trình đào tạo
CLO	: Chuẩn đầu ra học phần
ĐH	: Đại học
ĐHĐN	: Đại học Đà Nẵng
ĐHSP	: Đại học Sư phạm
GDDH	: Giáo dục đại học
GV	: Giảng viên
GVHD	: Giảng viên hướng dẫn
HP	: Học phần
MT	: Mục tiêu
PI	: Chỉ số năng lực
PLO	: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
SV	: Sinh viên
TC	: Tín chỉ
NL	: Năng lực
KHXH&NV	: Khoa học xã hội và nhân văn



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1168/QĐ-ĐHSP ngày 15/07/2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng)

### A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

#### 1. Giới thiệu chung về Trường ĐHSP – ĐHDN

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (ĐHSP - ĐHDN) được thành lập theo Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ, trên cơ sở tổ chức và sắp xếp lại các đơn vị: Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam - Đà Nẵng, Cơ sở Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng, Bộ môn Cơ bản của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Bộ môn văn hóa của Trường Công nhân kỹ thuật Nguyễn Văn Trỗi. Là trường thành viên thuộc ĐHDN, Trường có chức năng và nhiệm vụ: đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp, đào tạo cử nhân khoa học và đào tạo Sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên thuộc ĐHDN; nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Trải qua 46 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay Trường ĐHSP - ĐHDN là cơ sở giáo dục Đại học đa ngành, đa cấp với cơ cấu 07 phòng, 13 khoa, 05 trung tâm và 01 tổ thuộc Trường. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường đã vinh dự được các cấp chính quyền, đoàn thể tại trung ương và địa phương trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Năm 2016, Nhà trường được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.

Phương châm của hoạt động của Nhà trường trong giai đoạn 2020 – 2025 được xác định là: Chuyên nghiệp - Chất lượng - Hiện đại - Hội nhập.

##### a. Đội ngũ giảng viên

Tổng số cán bộ, viên chức của Trường tính đến ngày 01 tháng 11 năm 2020 là 333 CBVC (235 GV), trong đó: Tỷ lệ Giáo sư, PGS: đạt 5,1% trong tổng số GV (12); Tỷ lệ Tiến sĩ đạt gần 50% trong tổng số GV (110); Tỷ lệ GV có trình độ Thạc sĩ trở lên đạt 100%; 55 CBGD đang đi học nghiên cứu sinh và cao học trong và ngoài nước.

##### b. Chương trình đào tạo và bồi dưỡng

Hiện nay, nhà trường đang triển khai đào tạo 34 ngành ở trình độ Đại học, 17 ngành Thạc sĩ, 07 ngành Tiến sĩ và 30 loại hình đào tạo chứng chỉ, chứng nhận. Trong 34 ngành đào tạo trình độ Đại học, có 17 ngành đào tạo giáo viên. Tất cả chương trình đào tạo (CTĐT), bồi dưỡng của các ngành, khóa bồi dưỡng kể trên đều đã được thẩm

định, phê duyệt và ban hành.

Đối với hệ vừa làm vừa học (VLVH), Nhà trường đang tổ chức đào tạo tại Trường cũng như liên kết với các Trung tâm giáo dục thường xuyên, các cơ sở đào tạo trong nước để tổ chức đào tạo các trình độ Đại học, Cao đẳng, đào tạo liên thông và bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Nhà trường có 07 chương trình liên thông từ Cao đẳng lên Đại học, 05 chuyên ngành tuyển sinh từ bậc trung học phổ thông và văn bằng hai đối với các ngành đào tạo Đại học.

Các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ, chứng nhận của Trường tập trung bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (NVSP), chức danh nghề nghiệp, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ hoặc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông... Các chương trình bồi dưỡng này bổ ích cho người học, đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục.

CTĐT, bồi dưỡng được xây dựng phù hợp với quy định; luôn được cập nhật, rà soát định kì; đáp ứng và phù hợp nhu cầu của người học cũng như các cơ sở sử dụng lao động.

Năm học 2020 - 2021, tổng số sinh viên (SV) hệ chính quy bậc Đại học là 6.972 SV, 1030 học viên Sau đại học. Tổng số học viên hệ VLVH là 2.941 học viên. Tổng số lưu học sinh nước ngoài học tại trường (SV Lào, Trung Quốc, Đài Loan...) là 170 SV. Tính đến nay Trường đã đào tạo được 2.258 Tiến sĩ và Thạc sĩ.

#### *c. Tài liệu phục vụ đào tạo bồi dưỡng*

Thư viện của Trường có diện tích 955m<sup>2</sup>, được bố trí tại một khu vực độc lập, rộng rãi, yên tĩnh và thoáng mát; bao gồm hệ thống phòng đọc, phòng mượn, phòng nghiệp vụ thông tin thư mục và kho lưu trữ sách, tài liệu, báo chí riêng biệt. Thư viện có 25.357 đầu sách, với số lượng 115.371 cuốn trong đó số lượng số sách gắn với ngành đào tạo cấp bằng của Trường là 100.827 cuốn, có 15 máy tính được nối mạng internet, có hệ thống phần mềm quản lý sách, giáo trình và tài liệu.

Năm 2020, Thư viện của Trường được cải tạo, nâng cấp lên thành Trung tâm học liệu và E-learning với quy mô hiện đại giúp hỗ trợ người học và giảng viên nghiên cứu tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Các khâu quản lý và nghiệp vụ đều được tin học hoá. Tài liệu được tra cứu bằng hệ thống máy tính nối mạng. Hệ thống các kho sách được chuyển thành kho mở, thủ tục mượn trả tài liệu được cảm ứng bằng quét mã vạch.

#### *d. Cơ sở vật chất về hạ tầng công nghệ thông tin*

Khuôn viên của Trường có tổng diện tích 47.585m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng: 31.132m<sup>2</sup>, diện tích nơi làm việc: 2118 m<sup>2</sup>, nơi vui chơi giải trí: 6000 m<sup>2</sup>. Tổng diện



tích phòng học là 19.526 m<sup>2</sup> đạt 3,0 m<sup>2</sup>/ 1 SV; bao gồm 107 phòng học, trong đó có 11 giảng đường có sức chứa từ 100 - 200 chỗ, 01 giảng đường có sức chứa 600 chỗ, đều được trang bị đủ hệ thống thiết bị âm thanh, máy chiếu. Trường hiện có 37 phòng thực hành, thí nghiệm. Các phòng thí nghiệm được trang bị, nâng cấp hằng năm với nhiều thiết bị hiện đại đáp ứng được việc học tập, nghiên cứu của SV, học viên cao học, nghiên cứu sinh...; 09 phòng máy tính với hơn 500 máy tính xách tay; 04 phòng thực hành phương pháp dạy học gồm các thiết bị hiện đại như hệ thống bảng tương tác, máy chiếu lập thể, tăng âm, camera ghi hình bài giảng...

Khuôn viên Kí túc xá dành cho SV và lưu học sinh nước ngoài đảm bảo diện tích phòng ở 7.280 m<sup>2</sup>; có cảnh quan đẹp, rộng rãi, thoáng mát; đảm bảo tốt mọi sinh hoạt và đảm bảo an ninh. Nhà tập thể dục thể thao (TDTT), Nhà sinh hoạt đa năng đảm bảo tốt việc rèn luyện TDTT thường xuyên và phong trào cho cán bộ và SV toàn trường.

Về công nghệ thông tin, Trường đã trang bị và thiết lập hệ thống dạy học trực tuyến tiên tiến, có thể liên kết nội bộ trong 06 phòng học lớn có sức chứa hơn 1200 SV cùng học tập đồng thời có thể liên kết đến các trường Đại học trong và ngoài nước.

Hệ thống máy chủ và mạng cáp quang nội bộ đáp ứng yêu cầu đào tạo cùng với các phần mềm quản lý hiện đại. Nhà trường đã xây dựng có hiệu quả và thường xuyên cập nhật website để giới thiệu và cung cấp đầy đủ các thông tin có liên quan về công tác quản lý, điều hành dạy học của trường.

#### *e. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế*

Hoạt động NCKH từng bước phát triển, đạt hiệu quả tốt. Nhiều công trình NCKH của Trường được ứng dụng vào thực tiễn giáo dục - đào tạo và đời sống sản xuất như đổi mới phương pháp giảng dạy (PPGD), CGCN nuôi cấy mô cây trồng giúp các địa phương trong khu vực nâng cao năng suất. Số lượng các bài báo của các CBVC Nhà trường đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI và Scopus không ngừng tăng lên qua các năm.

Hợp tác quốc tế (HTQT) không ngừng được phát triển theo đúng quy định của pháp luật và đã mang lại nhiều lợi ích cho Nhà trường. Trường đã trao đổi, hợp tác với nhiều trường Đại học trong khu vực và trên thế giới; nhiều biên bản ghi nhớ với các trường đối tác đã được triển khai và tiếp tục triển khai trong thời gian tới.

## **2. Giới thiệu chung về Khoa Địa lý và đội ngũ phục vụ đào tạo**

Khoa Địa lý là một trong những đơn vị chủ lực của trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, góp phần vào việc thực thi sứ mạng của một cơ sở đào tạo và NCKH có chất lượng của cả nước, hướng đến mục tiêu sẽ trở thành trường ĐHSP trọng điểm cấp quốc gia vào năm 2025. Với bề dày lịch sử 46 năm xây dựng và phát

triển (1975-2021), Khoa Địa lý đảm nhận nhiệm vụ đào tạo các ngành Sư phạm Địa lí và Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch) nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Giáo dục, Du lịch cho cả nước và quốc tế.

Trong số các đơn vị trực thuộc trường, Khoa Địa Lý là một trong những đơn vị có những đóng góp quan trọng. Đến nay Khoa đã có đội ngũ CBGV chất lượng với tỉ lệ gần 70% là Tiến sĩ. Phần lớn đội ngũ giảng viên Khoa Địa Lý có trình độ cao được đào tạo trong nước và từ nhiều quốc gia khác trên thế giới như: Úc, Nhật Bản, Liên Bang Nga, Ba Lan, Hungary, Hàn Quốc, Đài Loan...

Khoa Địa lý hiện nay đang quản lý 2 ngành đào tạo: Sư Phạm Địa lí và cử nhân Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch). Tất cả chương trình đào tạo (CTĐT), đã được thẩm định, phê duyệt và ban hành. Hàng năm, chương trình đào tạo luôn được bổ sung và cập nhật. Số lượng sinh viên đăng kí vào Khoa Địa lý ngày càng tăng lên qua từng năm học.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế luôn được đẩy mạnh và đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Hội thảo khoa học cấp Quốc gia GIS 2011, Hội thảo khoa học quốc tế GIS-IDEAS 2014, Hội nghị Địa lí toàn quốc 2018 đã được Khoa Địa Lý và trường ĐHSPT – ĐHQĐN tổ chức thành công tốt đẹp làm tăng uy tín và ảnh hưởng của Khoa đối với trong và ngoài nước. Khoa Địa Lý cũng tích cực tham gia chủ trì thực hiện các đề tài KHCN cấp Trường, cấp Thành phố Đà Nẵng và Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong những năm gần đây, Khoa Địa Lý cũng là lực lượng nòng cốt tham gia chương trình Bồi dưỡng ETEP – Bộ Giáo Dục về nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông trên khắp cả nước.

Cơ sở vật chất ngày càng hoàn thiện với hệ thống phòng học chất lượng cao, phòng thực hành hiện đại, đầy đủ các loại máy móc và thiết bị. Khoa Địa Lý tự tin sẽ đào tạo được đội ngũ nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội và sứ mạng của trường Đại học Sư Phạm – Đại học Đà Nẵng.

### **3. Tổng quát về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo Địa lí học được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Sư Phạm theo *Quyết định số 1168/QĐ-ĐHSPT ngày 15/07/2021* của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.

Từ khóa tuyển sinh đầu tiên đến nay, CTĐT Địa lí học luôn được điều chỉnh và cải tiến theo hướng ngày càng phù hợp với nhu cầu xã hội và năng lực đào tạo của Nhà trường. So với CTĐT Địa lí học của khóa tuyển sinh 2020, thì khóa tuyển sinh năm 2021 đã có nhiều thay đổi quan trọng: CTĐT đã tăng tín chỉ khối kiến thức chuyên ngành, đặc biệt là khối kiến thức liên quan đến nghiệp vụ nghề du lịch để định hướng

nghe rõ ràng hơn cho sinh viên. Bổ sung các học phần mới phù hợp nhu cầu thực tiễn và nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên: thương mại điện tử du lịch, tư duy sáng tạo khởi nghiệp, kỹ năng MC hoạt náo, du lịch MICE... Gộp một số học phần địa lý đại cương ở khối kiến thức cơ sở ngành. Gộp và loại bỏ các học phần có sự trùng lặp về kiến thức. Kế hoạch đào tạo được thay đổi, các học phần sắp xếp lại cho phù hợp, một số học phần liên quan đến nghề du lịch được bố trí học sớm hơn, theo hướng tạo hứng thú hơn cho sinh viên khi mới tiếp cận chương trình nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học và logic của chương trình. Đồng thời, người học vẫn được trang bị đầy đủ các khối kiến thức cơ bản của ngành Địa lý, đảm bảo đáp ứng được các vị trí việc làm linh hoạt trong lĩnh vực Địa lý và du lịch

**Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

1.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Việt)	Địa lý học (Chuyên ngành: Địa lý du lịch)
2.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Anh):	Geography (Major: Tourism geography)
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Mã ngành đào tạo:	7310501
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6.	Thời gian đào tạo:	4 năm
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	130 tín chỉ
9.	Khoa quản lý:	Khoa Địa lý
10.	Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
11.	Website:	<a href="https://geo.ued.udn.vn/">https://geo.ued.udn.vn/</a>
12.	Thang điểm:	Thang 4
13.	Điều kiện tốt nghiệp:	Tích lũy đủ số tín chỉ theo chương trình, đạt chứng chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng, ngoại ngữ, tin học
14.	Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
15.	Vị trí việc làm:	- Làm việc tại các doanh nghiệp lữ hành, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống, các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. - Làm việc cho các dự án, các tổ chức phi chính phủ, các khu bảo tồn liên quan đến lĩnh vực quy

		hoạch và phát triển du lịch. - Giảng dạy tại các trường Đại học, cao đẳng, làm chuyên viên tại các viện nghiên cứu liên quan đến Địa lí và du lịch. - Làm cán bộ chuyên trách tại các Sở, ban ngành liên quan đến công tác dân số, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. - Làm giáo viên Địa lí tại các trường phổ thông (sau khi tích lũy chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)
16.	Khả năng nâng cao trình độ:	Có thể học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc ngành gần
17.	Chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo:	- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Trường ĐH KHXH&NV TP HCM) - Ngành Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch) trường Đại học Sư Phạm TP HCM
18	Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo:	07/2021

### **Tầm nhìn và sứ mạng của khoa Địa lý**

**Tầm nhìn:** Đến năm 2030 Khoa Địa lý sẽ trở thành một đơn vị của trường Đại học Sư phạm trọng điểm cấp quốc gia, các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế, tham gia tích cực vào công tác đào tạo và NCKH và bồi dưỡng giáo viên phổ thông trên khắp cả nước.

**Sứ mạng:** Khoa Địa lý - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng là đơn vị đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Địa lí, cán bộ khoa học có chất lượng gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước; là đơn vị nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực địa lý tự nhiên, địa lí kinh tế - xã hội và phương pháp dạy học Địa lí, góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế

**Mục tiêu đào tạo của Khoa:** Mục tiêu đào tạo của Khoa Địa lý là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có phẩm chất và năng lực nghề nghiệp để đảm nhận việc nghiên cứu và giáo dục Địa lí, có khả năng tham gia vào các lĩnh vực kinh tế liên quan đến khoa học xã hội, nhân văn và du lịch, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

## **B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG**

### **I. Triết lý giáo dục**

Triết lý giáo dục của Trường là: *Toàn diện - Khai phóng - Sáng tạo - Thực nghiệp.*

Giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động. Đối với khoa học: *sáng tạo và tự do học thuật*; đối với công tác đào tạo: *chất lượng*

*hàng đầu; đối với công tác quản lí: chuẩn mực và khách quan; đối với giảng dạy: kiến tạo tri thức và định hướng khởi nghiệp; đối với người học: tôn trọng năng lực cá nhân và tinh thần tập thể; đối với đồng nghiệp: chân thành và đoàn kết; đối với cộng đồng: công hiến và phục vụ.*

## **II. Tầm nhìn**

*Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trở thành trường Sư phạm trọng điểm Quốc gia, đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo.*

## **III. Sứ mạng**

*Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.*

# **C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

## **I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)**

### **1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Địa lí học (Chuyên ngành Địa lí du lịch) của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là đào tạo người học trình độ cử nhân có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến địa lí du lịch và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để đảm nhận được các vị trí việc làm trong lĩnh vực Địa lí và du lịch, có khả năng nghiên cứu khoa học, giảng dạy sau khi tích lũy được chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, có tinh thần khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo người học tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch) có:

- **PO1:** Kiến thức cơ bản về khoa học chính trị - pháp luật, khoa học xã hội - nhân văn và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Địa lí du lịch phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập suốt đời.

- **PO2:** Năng lực chuyên môn nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

- **PO3:** Kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay

đôi.

- **PO4:** Đạo đức nghề nghiệp, khả năng khởi nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng.

## **II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)**

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch) tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng có khả năng:

▪ **PLO1:** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội - nhân văn trong đời sống và hoạt động nghề nghiệp

- PI 1.1: Thực hiện trách nhiệm công dân, tuân thủ đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước

- PI 1.2: Áp dụng được kiến thức cơ bản của khoa học chính trị và pháp luật trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Địa lí học và chuyên ngành Địa lí du lịch (ĐLDDL).

- PI 1.3: Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội và nhân văn để tiếp cận các vấn đề trong lĩnh vực Địa lí học và ĐLDDL.

▪ **PLO2:** Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành Địa lí học và chuyên ngành Địa lí du lịch vào hoạt động chuyên môn.

- PI 2.1: Sử dụng được các kiến thức Địa lí tự nhiên và Địa lí KTXH trong nghiên cứu, giảng dạy và các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến Địa lí và du lịch.

- PI 2.2: Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan đến du lịch trong công việc và trong hoạt động nghiên cứu. .

- PI 2.3: Đề xuất các giải pháp phục vụ quy hoạch, phát triển du lịch, phát triển KT-XH địa phương.

▪ **PLO3:** Phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành Địa lí du lịch trong các hoạt động nghề nghiệp.

- PI 3.1: Áp dụng các kỹ năng địa lí (bao gồm kỹ năng bản đồ, Hệ thống thông tin Địa lí GIS, xử lý và phân tích số liệu, xây dựng hệ thống biểu đồ) trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.

- PI 3.2: Vận dụng các kỹ năng nghiệp vụ trong quản lý các hoạt động du lịch (marketing du lịch, quy hoạch du lịch, quản trị kinh doanh các hoạt động du lịch)

- PI 3.3: Rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ du lịch bao gồm nghiệp vụ khách sạn, hướng dẫn du lịch, tổ chức sự kiện du lịch và các lĩnh vực liên quan.

▪ **PLO4:** Thiết kế được chương trình du lịch trong phạm vi quốc gia

- PI 4.1: Phân tích được nhu cầu thị trường du lịch

- PI 4.2: Lập kế hoạch cho một chương trình du lịch cụ thể

- PI 4.3: Thực hiện được một phần công việc trong chương trình du lịch
- PI 4.4: Đánh giá được hiệu quả chương trình du lịch và đề xuất các biện pháp cải tiến.
- **PLO5:** Sử dụng được ngoại ngữ và tin học trong hoạt động chuyên môn.
- PI 5.1: Sử dụng ngoại ngữ trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp du lịch, đạt năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
- PI 5.2: Vận dụng linh hoạt kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo qui định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT vào nghiên cứu Địa lí du lịch và hoạt động nghề nghiệp.
- **PLO6:** Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm
- PI 6.1: Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp du lịch
- PI 6.2: Phối hợp làm việc nhóm trong thiết kế và điều hành các chương trình du lịch, dẫn dắt các đoàn khách du lịch.
- **PLO7:** Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo; năng lực giải quyết vấn đề phức tạp.
- PI 7.1: Lập luận và bảo vệ được các sản phẩm nghiên cứu và thực hành Địa lí du lịch.
- PI 7.2: Vận dụng kỹ năng thuyết trình trong quá trình làm việc tại các tuyến, điểm du lịch và cơ sở dịch vụ.
- PI 7.3: Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động du lịch.
- **PLO8:** Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa lí du lịch.
- PI 8.1: Xây dựng đề cương nghiên cứu liên quan đến Địa lí và Địa lí du lịch
- PI 8.2: Thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ vấn đề nghiên cứu
- PI 8.3: Triển khai các nghiên cứu Địa lí và Địa lí du lịch ngoài thực địa
- PI 8.4: Trình bày kết quả nghiên cứu thông qua các báo cáo, tham luận.
- **PLO9:** Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với đạo đức nghề nghiệp; tham gia phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp
- PI 9.1: Trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp du lịch.
- PI 9.2: Tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, các dự án du lịch vì cộng đồng.
- PI 9.3: Thể hiện tinh thần khởi nghiệp gắn với chuyên môn Địa lí du lịch.

### III. Ma trận Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Mục tiêu của CTĐT (POs)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	
<p><b>Mục tiêu chung:</b> Đào tạo người học trình độ cử nhân có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến địa lí du lịch và các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để đảm nhận được các vị trí việc làm trong lĩnh vực Địa lí và du lịch, có khả năng nghiên cứu khoa học, tinh thần khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.</p>											
<b>Mục tiêu cụ thể:</b>											
<b>PO1</b>	Kiến thức cơ bản về khoa học chính trị - pháp luật, khoa học xã hội - nhân văn và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Địa lí du lịch phục vụ nghiên cứu và học tập suốt đời	X	X						X	X	X
<b>PO2</b>	Năng lực chuyên môn nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.		X	X		X		X	X	X	
<b>PO3</b>	Kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.			X	X	X	X	X	X		
<b>PO4</b>	Đạo đức nghề nghiệp, khả năng khởi nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng.	X			X		X	X	X	X	

**Bảng 3. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.**

POs	PLOs	PIs
<p><b>PO1:</b> Kiến thức cơ bản về khoa học chính trị - pháp luật, khoa học xã hội - nhân văn và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Địa lí du lịch phục vụ nghiên cứu và học tập suốt đời.</p>	<p><b>PLO1:</b> Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội - nhân văn trong đời sống và hoạt động nghề nghiệp</p>	<p><b>PI 1.1.</b> Thực hiện trách nhiệm công dân, tuân thủ đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.</p> <p><b>PI 1.2.</b> Áp dụng được kiến thức cơ bản của khoa học chính trị và pháp luật trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Địa lí học và chuyên ngành Địa lí du lịch.</p> <p><b>PI 1.3:</b> Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội và nhân văn để tiếp cận các vấn đề trong lĩnh vực Địa lí học và Địa lí du lịch.</p>
	<p><b>PLO2:</b> Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành Địa lí học và chuyên ngành Địa lí du lịch vào hoạt động chuyên môn</p>	<p><b>PI 2.1.</b> Sử dụng được các kiến thức Địa lí tự nhiên và Địa lí kinh tế - xã hội (KTXH) trong nghiên cứu, giảng dạy và các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến Địa lí và du lịch.</p> <p><b>PI 2.2.</b> Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan đến du lịch trong công</p>



		<p>việc và trong hoạt động nghiên cứu.</p> <p><b>PI 2.3.</b> Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phục vụ quy hoạch, phát triển du lịch, phát triển KTXH địa phương.</p>
	<p><b>PLO7:</b> Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo; năng lực giải quyết vấn đề phức tạp</p>	<p><b>PI 7.1.</b> Lập luận và bảo vệ được các sản phẩm nghiên cứu và thực hành Địa lí du lịch.</p> <p><b>PI 7.2.</b> Vận dụng kỹ năng thuyết trình trong quá trình làm việc tại các tuyến, điểm du lịch và cơ sở dịch vụ.</p> <p><b>PI7.3.</b> Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động du lịch.</p>
	<p><b>PLO8:</b> Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa lí du lịch</p>	<p><b>PI8.1.</b> Xây dựng đề cương nghiên cứu liên quan đến Địa lí và Địa lí du lịch.</p> <p><b>PI8.2.</b> Thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ vấn đề nghiên cứu.</p> <p><b>PI 8.3.</b> Triển khai các nghiên cứu Địa lí và Địa lí du lịch trên thực địa.</p> <p><b>PI 8.4.</b> Trình bày kết quả nghiên cứu thông qua các báo cáo, tham luận.</p>
	<p><b>PLO9:</b> Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với đạo đức nghề nghiệp; tham gia phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp</p>	<p><b>PI 9.1.</b> Trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp du lịch.</p> <p><b>PI 9.2:</b> Tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, các dự án du lịch vì cộng đồng.</p> <p><b>PI 9.3.</b> Thể hiện tinh thần khởi nghiệp gắn với chuyên môn Địa lí du lịch.</p>
<p><b>PO2:</b> Năng lực chuyên môn nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp</p>	<p><b>PLO2:</b> Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành Địa lí học và chuyên ngành Địa lí du lịch vào hoạt động chuyên môn</p>	<p><b>PI 2.1.</b> Sử dụng được các kiến thức Địa lí tự nhiên và Địa lí kinh tế - xã hội (KTXH) trong nghiên cứu, giảng dạy và các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến Địa lí và du lịch.</p> <p><b>PI 2.2.</b> Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan đến du lịch trong công việc và trong hoạt động nghiên cứu.</p> <p><b>PI 2.3.</b> Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phục vụ quy hoạch, phát triển du lịch, phát triển KTXH địa phương.</p>
	<p><b>PLO3:</b> Phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành Địa lí du lịch trong các hoạt động nghề nghiệp</p>	<p><b>PI 3.1.</b> Áp dụng các kỹ năng chuyên ngành Địa lí (xây dựng bản đồ, biểu đồ, Hệ thống thông tin Địa lí GIS, xử lí và phân tích số liệu) trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.</p> <p><b>PI 3.2.</b> Vận dụng các kỹ năng nghiệp vụ trong quản lí các hoạt động du lịch (marketing du lịch, quy hoạch du lịch, quản trị kinh doanh du lịch).</p> <p><b>PI3.3.</b> Rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ du lịch bao gồm nghiệp vụ khách sạn, hướng dẫn du lịch, tổ chức sự kiện du lịch và các lĩnh vực liên quan.</p>

	<p><b>PLO5:</b> Sử dụng được ngoại ngữ và tin học trong hoạt động chuyên môn.</p>	<p><b>PI 5.1.</b> Sử dụng ngoại ngữ đạt năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp du lịch.</p> <p><b>PI 5.2.</b> Vận dụng các kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo qui định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT vào nghiên cứu Địa lí du lịch và hoạt động nghề nghiệp.</p> <p><b>PI5.3.</b> Sử dụng được các phần mềm hệ thống thông tin địa lí (GIS), các phần mềm nghiệp vụ du lịch và các công cụ xử lý thông kê trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.</p>
	<p><b>PLO7:</b> Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo; năng lực giải quyết vấn đề phức tạp</p>	<p><b>PI 7.1.</b> Lập luận và bảo vệ được các sản phẩm nghiên cứu và thực hành Địa lí du lịch.</p> <p><b>PI 7.2.</b> Vận dụng kỹ năng thuyết trình trong quá trình làm việc tại các tuyến, điểm du lịch và cơ sở dịch vụ.</p> <p><b>PI7.3.</b> Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động du lịch.</p>
	<p><b>PLO8:</b> Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa lí du lịch</p>	<p><b>PI8.1.</b> Xây dựng đề cương nghiên cứu liên quan đến Địa lí và Địa lí du lịch.</p> <p><b>PI8.2.</b> Thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ vấn đề nghiên cứu.</p> <p><b>PI 8.3.</b> Triển khai các nghiên cứu Địa lí và Địa lí du lịch trên thực địa.</p> <p><b>PI 8.4.</b> Trình bày kết quả nghiên cứu thông qua các báo cáo, tham luận.</p>
	<p><b>PLO9:</b> Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với đạo đức nghề nghiệp; tham gia phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp</p>	<p><b>PI 9.1.</b> Trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp du lịch.</p> <p><b>PI 9.2:</b> Tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, các dự án du lịch vì cộng đồng.</p> <p><b>PI 9.3.</b> Thể hiện tinh thần khởi nghiệp gắn với chuyên môn Địa lí du lịch.</p>
<p><b>PO3:</b> Kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.</p>	<p><b>PLO3:</b> Phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành Địa lí du lịch trong các hoạt động nghề nghiệp</p> <p><b>PLO4:</b> Thiết kế được chương trình</p>	<p><b>PI 3.1.</b> Áp dụng các kỹ năng chuyên ngành Địa lí (xây dựng bản đồ, biểu đồ, Hệ thống thông tin Địa lí GIS, xử lý và phân tích số liệu) trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.</p> <p><b>PI 3.2.</b> Vận dụng các kỹ năng nghiệp vụ trong quản lí các hoạt động du lịch (marketing du lịch, quy hoạch du lịch, quản trị kinh doanh du lịch).</p> <p><b>PI3.3.</b> Rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ du lịch bao gồm nghiệp vụ khách sạn, hướng dẫn du lịch, tổ chức sự kiện du lịch và các lĩnh vực liên quan.</p> <p><b>PI 4.1.</b> Áp dụng các phương pháp định lượng để phân tích nhu cầu thị trường du lịch.</p>

	du lịch trong phạm vi quốc gia	<p><b>PI 4.2.</b> Lập kế hoạch cho một chương trình du lịch cụ thể.</p> <p><b>PI 4.3.</b> Thực hiện được một phần công việc trong chương trình du lịch.</p> <p><b>PI 4.4:</b> Đánh giá được hiệu quả chương trình du lịch và đề xuất các biện pháp cải tiến.</p>
	<p><b>PLO5:</b> Sử dụng được ngoại ngữ và tin học trong hoạt động chuyên môn.</p>	<p><b>PI 5.1.</b> Sử dụng ngoại ngữ đạt năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp du lịch.</p> <p><b>PI 5.2.</b> Vận dụng các kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo qui định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT vào nghiên cứu Địa lí du lịch và hoạt động nghề nghiệp.</p> <p><b>PI5.3.</b> Sử dụng được các phần mềm hệ thống thông tin địa lí (GIS), các phần mềm nghiệp vụ du lịch và các công cụ xử lý thống kê trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.</p>
	<p><b>PLO6:</b> Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm</p>	<p><b>PI 6.1.</b> Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp du lịch.</p> <p><b>PI 6.2.</b> Phối hợp làm việc nhóm trong thiết kế và điều hành các chương trình du lịch, dẫn dắt các đoàn khách du lịch.</p>
	<p><b>PLO7:</b> Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo; năng lực giải quyết vấn đề phức tạp</p>	<p><b>PI 7.1.</b> Lập luận và bảo vệ được các sản phẩm nghiên cứu và thực hành Địa lí du lịch.</p> <p><b>PI 7.2.</b> Vận dụng kỹ năng thuyết trình trong quá trình làm việc tại các tuyến, điểm du lịch và cơ sở dịch vụ.</p> <p><b>PI7.3.</b> Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động du lịch.</p>
	<p><b>PLO8:</b> Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa lí du lịch</p>	<p><b>PI8.1.</b> Xây dựng đề cương nghiên cứu liên quan đến Địa lí và Địa lí du lịch.</p> <p><b>PI8.2.</b> Thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ vấn đề nghiên cứu.</p> <p><b>PI 8.3.</b> Triển khai các nghiên cứu Địa lí và Địa lí du lịch trên thực địa.</p> <p><b>PI 8.4.</b> Trình bày kết quả nghiên cứu thông qua các báo cáo, tham luận.</p>
<p><b>PO4:</b> Đạo đức nghề nghiệp, khả năng khởi nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng.</p>	<p><b>PLO1:</b> Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội - nhân văn trong đời sống và hoạt động nghề nghiệp</p>	<p><b>PI 1.1.</b> Thực hiện trách nhiệm công dân, tuân thủ đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.</p> <p><b>PI 1.2.</b> Áp dụng được kiến thức cơ bản của khoa học chính trị và pháp luật trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Địa lí học và chuyên ngành Địa lí du lịch.</p> <p><b>PI 1.3:</b> Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội và nhân văn để tiếp cận các vấn đề trong lĩnh vực</p>

		Địa lí học và Địa lí du lịch.
	<b>PLO3:</b> Phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành Địa lí du lịch trong các hoạt động nghề nghiệp	<p><b>PI 3.1.</b> Áp dụng các kĩ năng chuyên ngành Địa lí (xây dựng bản đồ, biểu đồ, Hệ thống thông tin Địa lí GIS, xử lí và phân tích số liệu) trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.</p> <p><b>PI 3.2.</b> Vận dụng các kĩ năng nghiệp vụ trong quản lí các hoạt động du lịch (marketing du lịch, quy hoạch du lịch, quản trị kinh doanh du lịch).</p> <p><b>PI3.3.</b> Rèn luyện các kĩ năng nghiệp vụ du lịch bao gồm nghiệp vụ khách sạn, hướng dẫn du lịch, tổ chức sự kiện du lịch và các lĩnh vực liên quan.</p>
	<b>PLO6:</b> Phát triển kĩ năng giao tiếp, làm việc nhóm	<p><b>PI 6.1.</b> Vận dụng linh hoạt kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp du lịch.</p> <p><b>PI 6.2.</b> Phối hợp làm việc nhóm trong thiết kế và điều hành các chương trình du lịch, dẫn dắt các đoàn khách du lịch.</p>
	<b>PLO7:</b> Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo; năng lực giải quyết vấn đề phức tạp	<p><b>PI 7.1.</b> Lập luận và bảo vệ được các sản phẩm nghiên cứu và thực hành Địa lí du lịch.</p> <p><b>PI 7.2.</b> Vận dụng kỹ năng thuyết trình trong quá trình làm việc tại các tuyến, điểm du lịch và cơ sở dịch vụ.</p> <p><b>PI7.3.</b> Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động du lịch.</p>
	<b>PLO8:</b> Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa lí du lịch	<p><b>PI8.1.</b> Xây dựng đề cương nghiên cứu liên quan đến Địa lí và Địa lí du lịch.</p> <p><b>PI8.2.</b> Thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ vấn đề nghiên cứu.</p> <p><b>PI 8.3.</b> Triển khai các nghiên cứu Địa lí và Địa lí du lịch trên thực địa.</p> <p><b>PI 8.4.</b> Trình bày kết quả nghiên cứu thông qua các báo cáo, tham luận.</p>
	<b>PLO9:</b> Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với đạo đức nghề nghiệp; tham gia phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp	<p><b>PI 9.1.</b> Trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp du lịch.</p> <p><b>PI 9.2:</b> Tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, các dự án du lịch vì cộng đồng.</p> <p><b>PI 9.3.</b> Thể hiện tinh thần khởi nghiệp gắn với chuyên môn Địa lí du lịch.</p>

#### IV. Đối sánh CDR chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6):

**Bảng 4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam**

CDR theo Khung trình độ QG  Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
<b>PLO 1</b>	X	X		X								X			
<b>PLO 2</b>	X	X		X											
<b>PLO 3</b>			X	X	X				X	X			X		X
<b>PLO 4</b>	X			X	X							X			X
<b>PLO 5</b>			X								X				
<b>PLO 6</b>					X		X	X		X		X	X	X	
<b>PLO 7</b>						X		X				X	X	X	
<b>PLO 8</b>							X					X		X	X
<b>PLO9</b>		X					X					X			X

**Bảng 5. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học**

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<p>KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</p> <p>KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p>KT4: Kiến thức về</p>	<p>KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.</p> <p>KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p>KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p>KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng</p>	<p>TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm</p>

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	cá nhân. TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

## V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học

### 1. Cơ hội việc làm

Ngành du lịch đang mở ra nhiều cơ hội việc làm đa dạng và phong phú, bao gồm bộ phận điều hành tour, trung tâm thông tin du lịch, quản trị hành chính văn phòng, hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn du lịch trong các tổ chức phi chính phủ, chuyên viên tổ chức sự kiện, teambuilding... hay công việc quy hoạch dự án trong mảng du lịch cộng đồng, chuyên viên tổ chức sự kiện tại các công ty sự kiện – quảng cáo truyền thông, các vị trí liên quan đến nhóm ngành du lịch – khách sạn – nhà hàng Ngoài ra, có thể giảng dạy tại các trường Đại học, cao đẳng, làm chuyên viên tại các viện nghiên cứu liên quan đến Địa lí và du lịch, cán bộ chuyên trách tại các Sở, ban ngành liên quan đến công tác dân số, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Người học cũng có thể làm giáo viên Địa lí tại các trường phổ thông (sau khi tích lũy chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)

### 2. Khả năng học tập sau đại học

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc ngành gần trong hệ thống các Trường đại học có đào tạo về du lịch.

## VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

### 1. Tuyển sinh theo phương thức xét tuyển

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT QG năm 2021.
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên học bạ THPT.
- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021.
- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng học sinh đạt giải quốc tế, quốc gia và các đối tượng khác theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức 5: Xét tuyển theo đề án tuyển sinh riêng. Cụ thể:

- Nhóm 1: Học sinh đạt giải khuyến khích tại các kỳ thi HSG Quốc gia, KHKT cấp Quốc gia thuộc các năm 2019, 2020, 2021.

- Nhóm 2: Học sinh đạt giải tại kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc các năm 2019, 2020, 2021.

- Nhóm 3: Học sinh đạt giải tại kỳ thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc các năm 2019, 2020, 2021.

- Nhóm 4: Học sinh học trường THPT chuyên.

- Nhóm 5: Học sinh giỏi liên tục 2 năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12.

- Nhóm 6: Học sinh đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5,0 hoặc TOEFL iBT từ 60 điểm, TOEIC từ 600 điểm trở lên trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển).

Năm 2021, ngành Địa lí học tuyển sinh theo tổ hợp C00, D15. Khối D15 là một trong những khối thi Đại học mới được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong những năm gần đây. Khối thi này là sự kết hợp giữa khối C và khối D truyền thống bao gồm 3 môn thi chính: Ngữ Văn + Địa lí + Tiếng Anh.

## **2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

1. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ (130 TC) và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

2. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

3. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

## **VII. Chiến lược giảng dạy và học tập**

### **1. Chiến lược giảng dạy**

Giảng viên được khuyến khích sử dụng phương pháp dạy học tiên tiến để giúp sinh viên học tập. Thông qua phương pháp dạy học, các giảng viên giúp sinh viên giải quyết các vấn đề thực tế và nâng cao kinh nghiệm của bản thân. Trong dạy học phát triển năng lực, các nhà thiết kế chương trình đã đưa ra nhiều chiến lược về nội dung và kinh nghiệm học tập, gồm có các tiêu chí sau đây:

Sự đa dạng: giảng viên cung cấp cho người học các loại hình thức hoạt động học tập khác nhau.

Sự lựa chọn: sự linh hoạt trong việc lựa chọn cách tiếp cận kiến thức giúp người học cá nhân hóa trải nghiệm học tập theo những cách có lợi cho họ. Sinh viên có thể lựa chọn đọc tài liệu trên lớp, học trực tuyến, xem video tham khảo...

Sự tương tác: vai trò của tương tác đối với việc hình thành nhân cách của người học là rất quan trọng. Sự tương tác của giảng viên khiến học sinh không cảm thấy bị cô lập, bỏ rơi trong quá trình học tập, phát triển được các ý tưởng và thể hiện được ý tưởng của bản thân

Sự kiểm soát: Các hoạt động dạy học được thiết kế để kiểm soát được quá trình học tập và khuyến khích sự độc lập và tự chủ của sinh viên.

Sự hứng thú: Dạy học phát triển năng lực khuyến khích người học tham gia vào quá trình học tập và có thể giúp sự kiên trì khi họ cảm thấy nản lòng, hoặc bị phân tâm bởi trải nghiệm học tập hoặc các vấn đề trong cuộc sống.

## 2. Chiến lược học tập

Sinh viên được khuyến khích tập trung và đầu tư vào các chiến lược học tập sau đây:

Tự khám phá tri thức: Người học cần có kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp các tư liệu do chính mình thu thập, đồng thời hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể.

- Ghi nhớ kiến thức: sử dụng phương pháp học tập nhấn mạnh hiểu biết hơn là trí nhớ sẽ giúp người học nhớ kiến thức lâu hơn.
- Nhận biết mối liên hệ giữa kiến thức cũ và mới: chất lượng học tập luôn luôn đòi hỏi người học phải tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.
- Sáng tạo: một người học đạt chất lượng phải biết nhận ra mối quan hệ giữa khối kiến thức của người khác đã học với kinh nghiệm của chính bản thân mình, cũng như với những gì mình đã được học trước đó để hình thành nên những nhận thức mới.
- Sự say mê học hỏi: việc học tập đạt chất lượng khi người học có quan điểm học tập suốt đời.

**Bảng 6. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra CTĐT**

Chiến lược và phương pháp dạy - học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)								
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
1	Dạy học trực tiếp	x	x	x	x	x	x			
2	Dạy học gián tiếp	x	x	x		x	x	x	x	
3	Dạy học tương tác	x	x	x			x		x	x
4	Chiến lược học tập trải nghiệm		x	x	x		x			x



5	Học tập độc lập		x	x	x		x	x	x	
---	-----------------	--	---	---	---	--	---	---	---	--

## D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 2 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 6.

**Bảng 7. Các khối kiến thức và số tín chỉ**

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
<b>A</b>	<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B</b>	<b>Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>139</b>	<b>100</b>	<b>6</b>	<b>33</b>
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành	17	17	0	0
II	Khối kiến thức Chuyên ngành	104	77	0	27
III	<i>Khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm (đối với Khối ngành Sư phạm)</i>				
IV	Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	18	6	6	6
<b>Tổng</b>		154	115	6	33

**Ghi chú:** Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và Ngoại ngữ.

### II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

#### 2.1. Khung chương trình đào tạo

**Bảng 8. Khung chương trình đào tạo**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Ngành: Địa lí học

Chuyên ngành: Địa lí du lịch

Khóa: 2021

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-ĐHSP ngày 15/07/2021 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>15</b>	<b>11</b>	<b>3</b>	<b>1</b>		
1	21231902	Triết học Mác – Lênin	3	2	1	0		
2	21321901	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	1.5	0.5	0	21231902	
3	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321901	
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0	21221903	
5	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0	21221904	
6	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		
7	31621549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		
8	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	(0)		
9	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	(0)		
10	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	(0)		
11	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	(0)		
12	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4)					
<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>			<b>139</b>	<b>93</b>	<b>33</b>	<b>13</b>		
<b>Kiến thức Cơ sở ngành</b>			<b>17</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
13	31731993	Xã hội học đại cương	3	3	0	0		
14	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0	0		
15	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0	0		
16	31921912	Tổng quan du lịch	2	2	0	0		
17	31931003	Địa lí tự nhiên đại cương	3	3	0	0		
18	31931004	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3	3	0	0		
<b>Kiến thức Chuyên ngành</b>			<b>104</b>	<b>76</b>	<b>21</b>	<b>7</b>		
19	31921059	Quản lý nhà nước về du lịch	2	2	0	0	31621549	
20	31621006	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	2	1	1	0		
21	31931005	Địa lí tự nhiên Thế giới	3	3	0	0	31931003	
22	31921060	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	2	2	0	0	31931005	
23	31921061	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2	2	2	0	0	31921060	
24	31931141	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	3	3	0	0	31931004*	
25	31921036	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1	2	2	0	0	31931141	
26	31921063	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2	2	2	0	0	31921036	
27	31921064	Địa lí văn hóa Việt Nam	2	2	0	0	31731091	
28	31931175	Địa lí du lịch thế giới	3	3	0	0	31921912	
29	31931176	Địa lí du lịch Việt Nam	3	3	0	0	31931008*	
30	31921169	Địa danh học và địa danh Việt Nam	2	2	0	0		
31	31931065	Hệ thống thông tin địa lí trong du lịch	3	1	0	2	31221885	
32	31931066	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Địa lí du lịch	3	2	1	0		
33	31931008	Tài nguyên du lịch	3	3	0	0	31921912	
34	31921775	Thực địa Địa lí du lịch	2	0	0	2		
35	31931069	Tiếng Anh chuyên ngành	3	2	1	0		
36	31831366	Kinh tế du lịch	3	3	0	0		
37	31821457	Marketing du lịch	2	1	1	0		
38	31931148	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	3	2	1	0		
39	32021005	Tâm lý khách du lịch	2	1	1	0		
40	31821661	Quy hoạch du lịch	2	2	0	0		
41	31921013	Nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong nghề du lịch	2	1	1	0	32021005*	
42	31931617	Tổ chức sự kiện du lịch	3	1	2	0		
43	31831657	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	2	1	0	31831366	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
44	31841487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	2	2	0	31921013	
45	31941015	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	4	2	2	0		
46	31931014	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	3	2	1	0		
47	31921016	Thương mại điện tử trong du lịch	2	1	1	0	31821457	
48	31921068	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch	2	1	0	1		
		<b>Học phần Tự chọn (phải chọn 9/27 tín chỉ)</b>	<b>27</b>	<b>20</b>	<b>5</b>	<b>2</b>		
49	31831013	<i>Phát triển du lịch bền vững</i>	3	2	1	0		
50	31921026	<i>Kỹ năng MC và hoạt náo</i>	2	1	1	0		
51	31921219	<i>Du lịch biển đảo Việt Nam</i>	2	2	0	0		
52	31921023	<i>An ninh và an toàn trong du lịch</i>	2	1	1	0		
53	31931012	<i>Du lịch văn hóa</i>	3	2	1	0		
54	31921222	<i>Du lịch sinh thái</i>	2	2	0	0		
55	31921027	<i>Du lịch MICE</i>	2	2	0	0		
56	31931070	<i>Địa lý ứng dụng</i>	3	1	0	2		
57	31921173	<i>Địa lý đô thị</i>	2	2	0	0		
58	31921172	<i>Địa lý địa phương</i>	2	1	1	0		
59	31921076	<i>Bản đồ học</i>	2	2	0	0		
60	31921406	<i>Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam</i>	2	2	0	0		
		<b>Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>6</b>		
61	31921058	Kiến tập	2	0	0	2		
62	31941080	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	4	31921058	
		<b>Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>0</b>		
63	31961081	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	6	0		
64	31931028	<i>Chuyên đề tốt nghiệp 1: Phát triển và khai thác sản phẩm du lịch</i>	3	0	3	0		
65	31931030	<i>Chuyên đề tốt nghiệp 2: Tổ chức lãnh thổ du lịch</i>	3	0	3	0		
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>			<b>154</b>	<b>104</b>	<b>36</b>	<b>14</b>		
<b>Tổng số tín chỉ bắt buộc</b>			<b>115</b>					
<b>Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu</b>			<b>15</b>					

**Lưu ý:**

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu \*.

**TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**

## 2.2. Kế hoạch đào tạo

**Bảng 9. Kế hoạch đào tạo**

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Địa lí học

Chuyên ngành: Địa lí du lịch

Khóa: 2021

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-ĐHSP ngày 15/07/2021 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú	
			TC	LT	TH				
					L1	L2			
1	31731993	Xã hội học đại cương	3	3	0	0			
	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0	0			
	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0	0			
	31931003	Địa lí tự nhiên đại cương	3	3	0	0			
	31931004	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3	3	0	0			
	31921912	Tổng quan du lịch	2	2	0	0			
			<b>Học phần Tự chọn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	(0)			
		<b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
2	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0			
	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1			
	31931005	Địa lí tự nhiên Thế giới	3	3	0	0	31931003		
	31921169	Địa danh học và địa danh Việt Nam	2	2	0	0			
	31931008	Tài nguyên du lịch	3	3	0	0	31921912		
			<b>Học phần Tự chọn</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>0</b>		
		00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	(0)		
		00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
		31921406	<i>Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam</i>	2	2	0	0		
	31921026	<i>Kỹ năng MC và hoạt náo</i>	2	1	1	0			
		<b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b>	<b>17</b>	<b>14</b>	<b>2</b>	<b>1</b>			
3	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21321902		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0			
	31921060	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	2	2	0	0	31931005		
	31931141	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	3	3	0	0	31931004*		
	31921064	Địa lí văn hóa Việt Nam	2	2	0	0	31731091		
	32021005	Tâm lý khách du lịch	2	1	1	0			
	31931175	Địa lí du lịch thế giới	3	3	0	0	31921912		
			<b>Học phần Tự chọn</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>0</b>		
		00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	(0)		
		31921023	<i>An ninh và an toàn trong du lịch</i>	2	1	1	0		
	31831013	<i>Phát triển du lịch bền vững</i>	3	2	1	0			
		<b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b>	<b>21</b>	<b>17.5</b>	<b>3.5</b>	<b>0</b>			
4	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321901		
	31921061	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2	2	2	0	0	31921060		
	31921036	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1	2	2	0	0	31931141		
	31931176	Địa lí du lịch Việt Nam	3	3	0	0	31931008*		
	31821661	Quy hoạch du lịch	2	2	0	0			
	31931066	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Địa lí du lịch	3	2	1	0			
	31921775	Thực địa Địa lí du lịch	2	0	0	2			
			<b>Học phần Tự chọn</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>		
		00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	(0)		
		31931012	<i>Du lịch văn hóa</i>	3	2	1	0		
	31921076	<i>Bản đồ học</i>	2	2	0	0			

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
		<b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b>	<b>21</b>	<b>16.5</b>	<b>2.5</b>	<b>2</b>		
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0	21221903	
	31921063	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2	2	2	0	0	31921036	
	31831366	Kinh tế du lịch	3	3	0	0		
	31931065	Hệ thống thông tin địa lí trong du lịch	3	1	0	2	31221885	
	31931069	Tiếng Anh chuyên ngành	3	2	1	0		
	31821457	Marketing du lịch	2	1	1	0		
	31921013	Nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong nghề du lịch	2	1	1	0	32021005*	
			<b>Học phần Tự chọn</b>	4	4	0	0	
			<i>Địa lí đô thị</i>	2	2	0	0	
		<i>Du lịch biển đảo Việt Nam</i>	2	2	0	0		
		<b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b>	<b>21</b>	<b>15.5</b>	<b>3.5</b>	<b>2.0</b>		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0	21221904	
	31931617	Tổ chức sự kiện du lịch	3	1	2	0		
	31941015	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	4	2	2	0		
	31921068	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch	2	1	0	1		
	31841487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	2	2	0	31921013	
	31921058	Kiến tập	2	0	0	2		
			<b>Học phần Tự chọn</b>	5	3	0	2	
			<i>Địa lí ứng dụng</i>	3	1	0	2	
			<i>Du lịch MICE</i>	2	2	0	0	
		<b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b>	<b>22</b>	<b>10.5</b>	<b>6.5</b>	<b>5.0</b>		
7	31921059	Quản lí nhà nước về du lịch	2	2	0	0	31621549	
	31831657	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	2	1	0	31831366	
	31921016	Thương mại điện tử trong du lịch	2	1	1	0	31821457	
	31931014	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	3	2	1	0		
	31931148	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	3	2	1	0		
	31621006	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	2	1	1	0		
			<b>Học phần Tự chọn</b>	4	3	1	0	
			<i>Địa lí địa phương</i>	2	1	1	0	
			<i>Du lịch sinh thái</i>	2	2	0	0	
		<b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b>	<b>19</b>	<b>13</b>	<b>6</b>	<b>0</b>		
8	31941080	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	4	31921058	
		<b>Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)</b>	12	0	12	0		
		<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	6	0		
		<i>Chuyên đề tốt nghiệp 1: Phát triển và khai thác sản phẩm du lịch</i>	3	0	3	0		
		<i>Chuyên đề tốt nghiệp 2: Tổ chức lãnh thổ du lịch</i>	3	0	3	0		
		<b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>4</b>		

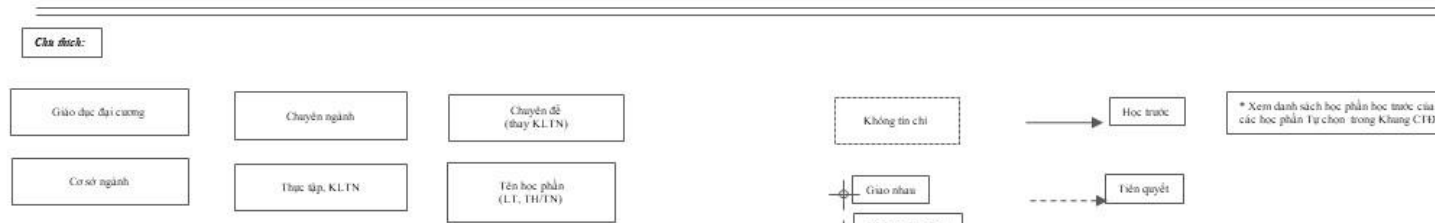
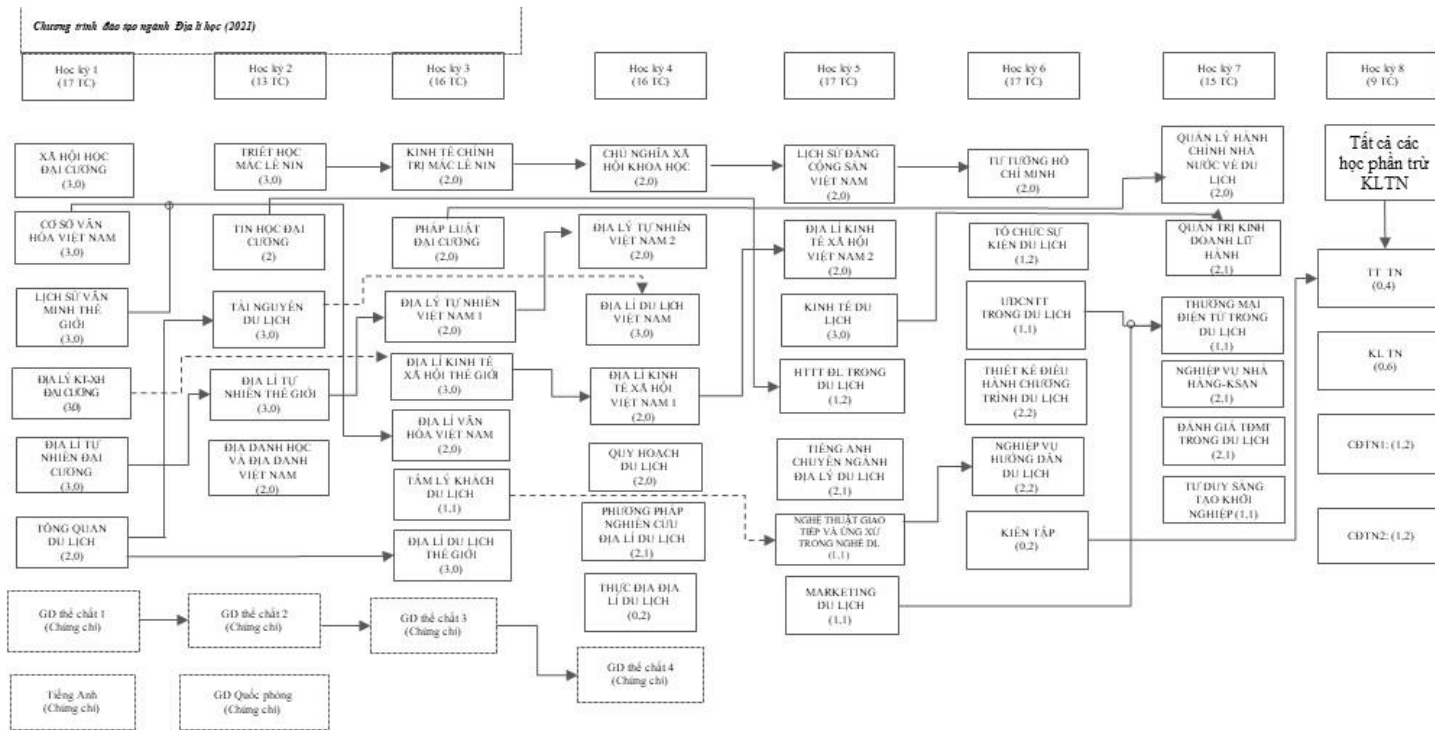
**Lưu ý:**

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu \*.

**TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**

### III. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)



## **IV. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

(PHỤ LỤC 3)

### **E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ**

#### **I. Quy trình đào tạo**

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm. Thời gian đào tạo trong 4 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu) và học kỳ hè (từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng Tám). Theo lộ trình được thiết kế, sinh viên được học các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành từ học kỳ 1 đến học kỳ 3, các kiến thức chuyên ngành được học trong 5 học kỳ tiếp theo của kế hoạch đào tạo.

Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của CTĐT, tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 130TC với điểm trung bình tốt nghiệp từ 2,0 (đối với thang điểm 4).

#### **II. Cách thức đánh giá và công cụ đánh giá**

##### **1. Đánh giá kết quả học tập**

Cuối mỗi học kỳ, trường sử dụng 4 tiêu chí để đánh giá kết quả học tập của sinh viên: Khối lượng học tập đăng ký, điểm trung bình chung học kì, khối lượng kiến thức tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy.

1.1. Khối lượng học tập đăng ký là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ, gồm cả học phần học lần đầu và học từ lần thứ 2 trở đi;

1.2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký trong học kỳ. Trọng số của mỗi học phần là số tín chỉ tương ứng của học phần đó;

1.3. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét;

1.4. Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của các học phần đã tích lũy được tính từ đầu khóa học

##### **2. Đánh giá học phần**

2.1. Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào điểm thi kết thúc học phần và các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm chuyên cần; điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành/ thí nghiệm; điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận.

Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp, có trọng số là 50%. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là viết (trắc nghiệm, tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, thực hành, hoặc kết hợp các hình thức này.

2.2. Việc lựa chọn hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của điểm đánh giá bộ phận và cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần khi xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo và phải được Hiệu trưởng phê duyệt. Ở buổi học đầu tiên của lớp học phần, giảng viên công bố đề cương chi tiết cho sinh viên. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

2.3. Kiểm tra giữa kì: Giảng viên phụ trách lớp học phần bố trí kiểm tra giữa kì trong buổi học của lớp học phần, theo kế hoạch đào tạo năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

#### 2.4. Thi kết thúc học phần

- Sinh viên vắng quá 20% thời gian học của lớp học phần thì giảng viên dạy lớp học phần có thể xem xét quyết định không cho dự thi kết thúc học phần.

- Lịch thi kết thúc học phần do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ban hành; phải đảm bảo thời gian ôn thi bình quân ít nhất 2/3 ngày cho mỗi tín chỉ.

- Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với chuẩn đầu ra và nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

### 3. Phương pháp đánh giá học phần

Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, giảng viên sử dụng các phương pháp đánh giá sau:

- *Đánh giá chuyên cần*: Đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học (điểm danh sự có mặt của người học, ý thức, thái độ trong việc chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, xây dựng bài của người học trên lớp).

- *Đánh giá bài tập*: Đánh giá mức độ hoàn thành của sinh viên đối với các bài tập được giảng viên giao liên quan đến bài học ở trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và cho điểm trên cơ sở những tiêu chí đã được thông báo từ trước.

- *Nhóm phương pháp kiểm tra viết*: Phương pháp kiểm tra viết gồm bài kiểm tra dạng tự luận và kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khác quan.

*Đối với phương pháp kiểm tra viết Tự luận*, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của học phần, khóa học. Phương pháp kiểm tra này được chia thành hai loại:



Bài luận dài và Bài luận ngắn.

*Đối với phương pháp kiểm tra Trắc nghiệm khách quan*, sinh viên trả lời các loại hình câu hỏi hoặc bài tập mà các phương án trả lời đã có sẵn hoặc nếu sinh viên viết câu trả lời thì câu trả lời thì câu trả lời phải là câu ngắn và chỉ duy nhất có một cách viết đúng.

- *Đánh giá thí nghiệm/ thực hành*: Sinh viên được đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ thảo luận và chia sẻ; mức độ thực hiện đúng các thao tác, quy trình; kết quả thực hành/ thí nghiệm; Báo cáo thực hành/ thí nghiệm.

- *Đánh giá Thuyết trình*: Sinh viên được yêu cầu làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm và thuyết trình kết quả trước các sinh viên khác. Hoạt động này ngoài đánh giá mức độ đạt được của sinh viên về những kiến thức chuyên biệt còn đánh giá được mức độ phát triển các kỹ năng như giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm. Các học phần được xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoặc rubrics tương ứng với các chuẩn đầu ra học phần.

- *Đánh giá Vấn đáp*:

Sinh viên được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số khóa học để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức và kỹ năng giao tiếp, thuyết trình. Các học phần sử dụng các rubrics vấn đáp để đánh giá nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng đối với người học.

- *Đánh giá làm việc nhóm*:

Đánh giá công việc nhóm được sử dụng khi thực hiện các hoạt động giảng dạy nhóm và được sử dụng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Rubric đánh giá đối với sản phẩm, khả năng thuyết trình của nhóm và rubric tự đánh giá làm việc nhóm cho các đối tượng thuộc nhóm tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng. Các rubrics đánh giá được công bố trong cuốn chương trình đào tạo.

- *Đánh giá Tiểu luận/ Bài tập lớn*:

Tiểu luận là viết báo cáo về một vấn đề của một môn học hay một vấn đề thực tiễn của một đơn vị nào đó nhằm để rút ra những kết luận, những đóng góp ý kiến, những đề xuất giải pháp để có thể thực hiện hay cải tiến được vấn đề đã nêu ra. Đánh giá tiểu luận bao gồm đánh giá về Cấu trúc, Nội dung, Kết luận và Hình thức trình bày.

- *Đánh giá Sản phẩm*:

Phương pháp đánh giá kết quả học tập thông qua các sản phẩm của người học đã thực hiện được, thể hiện qua việc xây dựng, sáng tạo, thể hiện ở việc hoàn thành được công việc một cách có hiệu quả. Các tiêu chí và tiêu chuẩn để đánh giá sản phẩm là rất

đa dạng. Đánh giá sản phẩm được dựa trên ngữ cảnh cụ thể của hiện thực.

- *Đánh giá Kiến tập sư phạm:*

Đánh giá kết quả Kiến tập sư phạm trên cơ sở các tiêu chí về Tìm hiểu thực tế giáo dục; Kiến tập giảng dạy và Kiến tập chủ nhiệm. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá.

- *Đánh giá Thực tập sư phạm:*

Đánh giá kết quả Thực tập sư phạm dựa trên cơ sở các tiêu chí về Thực tập giảng dạy, Thực tập chủ nhiệm và Kết quả dự giờ giảng dạy của giáo sinh cùng nhóm chuyên môn. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá.

- *Đánh giá Thực tập tại cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp:*

Kết quả Thực tập tại cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp được đánh giá dựa trên các tiêu chí về Chấp hành nội quy của đơn vị; Thái độ làm việc; Kiến thức, kỹ năng thu nhận và đánh giá báo cáo thực tập tại doanh nghiệp. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá.

- *Đánh giá Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp:*

Đánh giá Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp dựa trên các tiêu chí về Hình thức báo cáo; Chất lượng báo cáo; Chất lượng bảo vệ. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá. Đánh giá Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng chấm Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp do Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập. Số thành viên của hội đồng là 3 hoặc 5 hoặc 7 người, trong đó có Chủ tịch và Thư ký.

#### **4. Cách tính điểm học phần**

4.1. Điểm đánh giá học phần bao gồm Đánh giá quá trình và đánh giá cuối kì. Điểm đánh giá bộ phận (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kì, bài tập, tiểu luận...) và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một số lẻ thập phân. Trong đó:

- Đối với các học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, học phần thực tập giáo trình, thực tế: Điểm học phần bao gồm các điểm bộ phận (Bài tập ngắn trên lớp, chuyên cần, tiểu luận, thực hành...). Việc lựa chọn hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của điểm đánh giá bộ phận và cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần; Điểm kiểm tra giữa kỳ (bắt buộc) với trọng số là 0,3 và Điểm thi kết thúc học phần (bắt buộc) với trọng số là 0,5. Tùy theo từng học phần các trọng số Điểm bộ phận có thể thay đổi cho phù hợp.

- Đối với các học phần thí nghiệm, thực hành: Điểm bộ phận là điểm đánh giá

của từng bài thực hành và Điểm học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực hành.

- Đối với các học phần đề án môn học, bài tập lớn: Điểm học phần bao gồm Điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn với trọng số 0,2; Điểm đánh giá tinh thần thái độ làm việc với trọng số 0,2; Điểm bảo vệ với trọng số 0,6.

- Đối với Kiến tập sư phạm: Điểm Kiến tập sư phạm được tính như sau:

$$\text{Điểm KTSP} = \frac{(\text{điểm TH TTGD}) + 3(\text{điểm KTGD}) + 2(\text{điểm KTCN})}{6} + (\text{điểm thưởng/phạt})$$

(Trong đó: KTSP là Kiến tập sư phạm; TH TTGD là Tìm hiểu thực tế giáo dục; KTGD là Kiến tập giảng dạy; KTCN là Kiến tập chủ nhiệm)

- Đối với Thực tập sư phạm: Điểm Kiến tập sư phạm được tính như sau:

$$\text{Điểm TTSP} = (\text{điểm TTGD}) \times 0,6 + (\text{điểm TTCN}) \times 0,5 \pm (\text{điểm thưởng/phạt})$$

(Trong đó: TTGD là Thực tập giảng dạy; TTCN là Thực tập chủ nhiệm)

- Đối với Khóa luận/ Luận văn: Điểm đánh giá là trung bình cộng các điểm của các thành viên hội đồng, người phản biện và người hướng dẫn (gọi chung là các điểm thành phần). Các điểm thành phần theo thang điểm 10 hoặc có phần lẻ với khoảng cách tối thiểu là 0,25. Điểm đánh giá cuối cùng lấy một số lẻ thập phân và được quy đổi sang thang điểm chữ.

4.2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận, điểm thi cuối kì của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

**Bảng 10. Thang điểm đánh giá**

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
<b>Đạt</b>	Giỏi	8,5 - 10	A	4
	Khá	7,0 - 8,4	B	3
	Trung bình	5,5 - 6,9	C	2
	Trung bình yếu	4,0 - 5,4	D	1
<b>Không đạt</b>	Kém	< 4,0	F	0

## F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

**Bảng 11. Mô tả tóm tắt các học phần**

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình; cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin. Chương 2, chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, chủ nghĩa duy vật lịch sử.
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo. Nội dung của học phần gồm 6 chương. Chương 1 bàn về quá trình ra đời và phát triển của kinh tế chính trị, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những nội dung kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin, cụ thể như: Hàng hóa, thị trường, cạnh tranh, độc quyền, các chủ thể và sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin và là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục công dân. Môn học khái quát về quá trình ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, làm rõ những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, gồm: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ; Dân chủ và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ; Vấn đề dân tộc, Tôn giáo, Gia đình trong chủ nghĩa xã hội.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương nằm trong chương trình đào tạo. Nội dung chủ yếu của học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 – 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 cho đến hiện nay). Qua đó, học phần giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác,

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần gồm có 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới.
6	Tin học đại cương	Học phần Tin học đại cương được học ở năm thứ nhất đối với tất cả sinh viên các chuyên ngành không chuyên tin học. Học phần Tin học đại cương củng cố và cung cấp các kiến thức, kỹ năng sử dụng máy tính, các công nghệ hiện đại và internet phức tạp hơn so với các kiến thức, kỹ năng đã được học ở chương trình phổ thông. Hơn nữa, học phần đi sâu vào một số tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc bộ Microft Office là Word, Excel và Powerpoint. Học phần này dành cho tất cả sinh viên của trường Đại học Sư phạm, trừ sinh viên ngành Công nghệ thông tin và Sư phạm Tin học.
7	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật như: Nguồn gốc bản chất, chức năng, vai trò, hình thức, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời giới thiệu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính.
8	Xã hội học đại cương	Học phần cung cấp cho sinh viên khung kiến thức cơ bản về Xã hội học, một số lĩnh vực Xã hội học chuyên ngành. Học phần gồm 5 chương, tương ứng với những kiến thức cơ bản về xã hội học. Trong chương 1 và 2 sơ lược về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và lịch sử phát triển của xã hội học. Chương 3 và 4 đi sâu vào các phạm trù, một số lịch vực xã hội học chuyên ngành. Chương 5 cung cấp những phương pháp nghiên cứu xã hội học
9	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Cử nhân Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về các nền văn minh của nhân loại như nền văn minh Bắc Phi và Tây Á; Ấn Độ, Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á; Hy Lạp, La Mã và Tây Âu thời cổ trung đại; nền văn minh công nghiệp và nền văn minh thế giới thế kỷ XX. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các nội dung lịch sử văn minh thế giới, kỹ năng làm việc nhóm và sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành phục vụ cho học tập, nghiên cứu và làm việc.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về khái niệm văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam.
11	Tổng quan du lịch	Học phần Tổng quan du lịch giới thiệu với người học những nội dung về lịch sử, đối tượng, nhiệm vụ, vai trò và các phương pháp nghiên cứu của du lịch. Cung cấp cho người học những hiểu biết về khái niệm, những nguyên lý, nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch; Tài nguyên du lịch; Thị trường và kinh tế du lịch; Thống kê du lịch và du lịch bền vững.
12	Quản lý nhà nước về du lịch	<p>Quản lý nhà nước về du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến hệ thống quản lý nhà nước về du lịch từ Trung ương đến các địa phương; Những nội dung của Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật hiện nay.</p> <p>Học phần còn sử dụng nhiều bài tập tình huống liên quan đến các lĩnh vực du lịch, giúp sinh viên chủ động, biết cách xử lý các khiếu nại, khiếu kiện có liên quan đến lĩnh vực du lịch.</p>
13	Tur duy sáng tạo và khởi nghiệp	Tur duy sáng tạo và Khởi nghiệp là học phần bắt buộc, cung cấp những kiến thức cơ bản về tur duy sáng tạo cho sinh viên khối ngành không chuyên kinh tế. Trên cơ sở những kiến thức và kỹ năng được hình thành trong quá trình học tập, sinh viên có thể vận dụng để giải quyết vấn đề chuyên môn một cách sáng tạo; đồng thời những kiến thức về khởi nghiệp giúp người học bước đầu nhận diện được ý tưởng kinh doanh trong lĩnh vực được đào tạo, cũng như tự tin trên hành trình lập nghiệp sau khi tốt nghiệp. Nội dung chủ yếu gồm 2 phần là tur duy sáng tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
14	Địa lí tự nhiên đại cương	Địa lí tự nhiên đại cương là học phần chuyên ngành Địa lí học, cung cấp những kiến thức về những vấn đề chung của khoa học Địa lí từ đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển, đặc điểm, các vận động của Trái Đất và các hệ quả Địa lí do các vận động của Trái Đất tạo ra. Học phần còn nghiên cứu các tổng hợp thể tự nhiên. Đây là cơ sở để người học có thể học tập tốt những phần về Địa lí tự nhiên thế giới, Địa lí tự nhiên Việt Nam trong chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, sinh viên có thể sử dụng những kiến thức về Địa lí tự nhiên vào thực tiễn công việc liên quan đến Địa lí du lịch như hướng dẫn viên du lịch, đánh giá các điều kiện tự nhiên để quy hoạch lãnh thổ phát triển du lịch
15	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành sư phạm Địa lí. Đây là điểm khởi đầu, là phần “nhập môn” cho toàn bộ kiến thức địa lí kinh tế- xã hội, là cơ sở để sinh viên có khả năng tiếp thu phần khác như địa lí kinh tế- xã hội thế giới, địa lí kinh tế- xã hội Việt Nam. Học phần này xoay quanh các nội dung về mối quan hệ giữa môi trường địa lí và nền sản xuất xã hội, dân cư và đô thị hóa, về những vấn đề chung của nền kinh tế; về vai trò, đặc điểm phân bố và các nhân tố

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố và tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế.
16	Địa lí tự nhiên Thế giới	Học phần Địa lí tự nhiên thế giới là học phần thuộc khối kiến thức đại cương được giảng dạy sinh viên ngành Địa lí học. Trong cấu tạo chương trình, học phần này là học phần bắt buộc được giảng dạy vào học kỳ II. Học phần bao gồm các kiến thức về các nhân tố hình thành tự nhiên, đặc điểm các hợp phần tự nhiên các khu vực Địa lí tự nhiên của các châu lục. Với học phần này, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về sự hình thành, đặc điểm các đại dương và các thể tổng hợp tự nhiên của mỗi châu lục gồm địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật và cảnh quan; đồng thời hình thành ở người học kỹ năng phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa các thành phần để tạo nên địa tổng thể thông qua quá trình trao đổi vật chất và năng lượng.
17	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	Học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình Sư Phạm Địa lí, với mục tiêu khái quát các điều kiện tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam. Để hoàn thành được nhiệm vụ của học phần này, sinh viên cần phải được trang bị các kiến thức về Địa lí tự nhiên đại cương và Địa lí tự nhiên các lục địa. Nội dung chính của học phần này bao gồm những vấn đề chung về vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ Việt Nam, đặc điểm các thành phần của tự nhiên Việt Nam bao gồm địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam, vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên ở Việt Nam.
18	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2	Học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 được thiết kế tiếp nối học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam 1 (phần khái quát). Học phần này tập trung vào vấn đề phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam (phần khu vực), sau khi sinh viên đã hiểu rõ các vấn đề chung về tự nhiên Việt Nam cũng như đặc điểm các thành phần tự nhiên Việt Nam ở phần khái quát. Nội dung chính của học phần này bao gồm các quy luật phân hóa tự nhiên Việt Nam và các khu vực Địa lí tự nhiên Việt Nam. Ở mỗi khu vực, các đặc điểm chung của từng miền, đặc điểm các thành phần tự nhiên (địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật) và sự phân hóa tự nhiên trong nội bộ miền được đi sâu phân tích. Sinh viên cũng sẽ phát triển các kỹ năng thực hành, phân tích số liệu kết hợp nghiên cứu ngoài thực địa ở học phần này.
19	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	Học phần Địa lí kinh tế - xã hội thế giới là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Địa lí học giúp người học nắm vững các kiến thức về bản đồ chính trị thế giới, sự phân bố không gian và một số đặc điểm chính của một số tổ chức kinh tế - xã hội trên thế giới, các nhân tố thúc đẩy, một số vấn đề ảnh hưởng để sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, đặc điểm địa lí kinh tế, dân cư, xã hội, du lịch của thế giới, châu lục và một số quốc gia tiêu biểu nhằm giúp sinh viên hình thành được hệ thống kiến thức về kinh tế - xã hội và du lịch trên thế giới phục vụ cho nghề nghiệp du lịch, nghiên cứu, dạy học và học tập suốt đời.



Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
20	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1	Địa lí KTXHVN 1 là một môn học trong chương trình đào tạo của khoa Địa lí ở các trường Cao Đẳng, Đại học. Còn ở trường THPT nó là một phần quan trọng trong chương trình Địa lí lớp 12. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Việt Nam trong bối cảnh quốc tế và khu vực, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên- ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội, Địa lí dân cư.
21	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2	Môn học này giúp sinh viên nắm được những vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay, hiểu được thế mạnh, con đường phát triển kinh tế, cũng như những khó khăn, thách thức trong phát triển các ngành kinh tế cũng như các vùng kinh tế. Vận dụng kiến thức của học phần để có thể tham gia tốt vào trong thực tiễn lao động sản xuất, trong công tác nghiên cứu và giảng dạy địa lý kinh tế.
22	Địa lí văn hóa Việt Nam	Học phần Địa lí văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở chuyên ngành Địa lí du lịch. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Địa lí các vùng văn hóa Việt Nam theo góc nhìn không gian địa lý như một số vấn đề về phân vùng văn hóa Việt Nam; tổng quan địa lý, lịch sử, văn hóa Việt Nam; đặc trưng và sắc thái văn hóa của 6 vùng văn hóa Việt Nam: vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, vùng văn hóa Việt Bắc và Đông Bắc Bộ, vùng văn hóa Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, vùng văn hóa duyên hải Trung và Nam Trung Bộ, vùng văn hóa Trường Sơn và Tây Nguyên, vùng văn hóa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Chính sự khác biệt về tự nhiên, phân bố dân tộc, dân cư đã tạo ra những vùng văn hoá có những nét đặc trưng riêng tại Việt Nam
23	Địa lí du lịch thế giới	Môn học Địa lí du lịch thế giới cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan về du lịch và các vùng du lịch trên thế giới cũng như địa lý du lịch của một số quốc gia. Bên cạnh đó còn cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức và tình hình hoạt động du lịch trên thế giới. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng vào các lĩnh vực liên quan đến việc làm cũng như nghiên cứu về du lịch và tăng cường năng lực hội nhập quốc tế.
24	Địa lí du lịch Việt Nam	Môn học trình bày những vấn đề lí luận và thực tiễn về: đối tượng, nhiệm vụ của địa lí du lịch; những khái niệm cơ bản trong địa lí du lịch; những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch Việt Nam: thực trạng phát triển du lịch Việt Nam và những xu hướng phát triển du lịch; sự phát triển tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam gồm các điểm, tuyến, vùng.
25	Địa danh học và địa danh Việt Nam	Môn học Địa danh học và Địa danh Việt Nam là khoa học nghiên cứu về địa danh, bao gồm nguồn gốc, ý nghĩa, sử dụng và phân loại chúng. Cụ thể địa danh là tên gọi của các đối tượng trong tự nhiên, các công trình xây dựng, đơn vị hành chính, các vùng lãnh thổ gắn với đời sống con người, từ đó áp dụng để giải thích về nguồn gốc, ý nghĩa và tên gọi của địa danh Việt Nam.. Hiện nay, địa danh là đối tượng quan tâm của nhiều lĩnh vực khoa học như lịch sử, địa lý, dân tộc học, văn hóa học, ngôn ngữ học....
26	Hệ thống	Hệ thống thông tin địa lí trong du lịch là học phần chuyên ngành được chia



Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
	thông tin địa lí trong du lịch	thành 2 phần. Phần 1 đề cập đến hệ thống thông tin địa lý (GIS) và phần 2 trình bày ứng dụng GIS trong du lịch. Nội dung về hệ thống thông tin Địa lí bao gồm tổng quan về GIS, cấu trúc cơ sở dữ liệu, thu thập dữ liệu và phân tích trong GIS. Đối với nội dung về ứng dụng GIS trong du lịch, học phần tập trung vào những vấn đề chính như: tổng quan về ứng dụng GIS, ứng dụng GIS để xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về du lịch, xây dựng bản đồ chuyên đề du lịch, phân tích, truy vấn, tìm kiếm dữ liệu GIS về du lịch.
27	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Địa lí du lịch	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Địa lí du lịch là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Địa lí học (Địa lí du lịch). Học phần này đề cập đến những kiến thức cơ bản của phương pháp luận nghiên cứu khoa học: khái niệm, ý nghĩa và mục đích của nghiên cứu khoa học; Hệ thống các phương pháp nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu khoa học Địa lí du lịch; Cấu trúc và quy trình tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học Địa lí du lịch.
28	Tài nguyên du lịch	Tài nguyên du lịch là học phần bắt buộc của ngành Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch). Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tài nguyên du lịch, cụ thể là những vấn đề chung; đặc điểm và phương pháp điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch, tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên và tìm hiểu một số tài nguyên du lịch ở Việt Nam. Đây là cơ sở để người học có thể học tập tốt những học phần chuyên tiếp theo và là cơ sở để làm tốt công việc nghề nghiệp và nghiên cứu liên quan đến tài nguyên du lịch.
29	Thực địa Địa lí du lịch	Nội dung chính của học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức trên thực tế về các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn tại một số khu vực tiêu biểu của Việt Nam. Sinh viên sẽ nhận biết được thực trạng phát triển của các tuyến du lịch, điểm du lịch và bước đầu tìm hiểu được cách thức tiến hành xác định và xây dựng các tuyến điểm du lịch và những việc cần phải làm trên thực tiễn. Giáo dục cho sinh viên lòng yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm trước yêu cầu đổi mới của đất nước.
30	Tiếng Anh chuyên ngành	Môn học Tiếng Anh chuyên ngành cung cấp cho người học những khái niệm, thuật ngữ đặc thù về ngành du lịch bằng tiếng Anh bằng những bài học được xây dựng theo chủ đề liên quan đến khoa học về du lịch, nhằm giúp cho người học có khả năng đọc hiểu được tài liệu du lịch và phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.
31	Kinh tế du lịch	Môn kinh tế du lịch là môn học tiếp nối các học phần như Nhập môn khoa học du lịch, tài nguyên du lịch. Học phần này có mục tiêu là tiếp cận du lịch như một ngành kinh tế. Nội dung của học phần này xoay quanh các vấn đề như bản chất, đặc điểm và những tác động của du lịch, cung cầu và mối quan hệ cung cầu trong du lịch, tính thời vụ của du lịch, các hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh tế du lịch.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
32	Marketing du lịch	Marketing du lịch là môn học cung cấp các kiến thức marketing căn bản, trang bị cho sinh viên những kiến thức về marketing du lịch, những kinh nghiệm thực tế về marketing du lịch và hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành tại các doanh nghiệp du lịch. Môn học giúp sinh viên có thể phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn và những rủi ro trong quá trình marketing du lịch và những giải pháp nâng cao hiệu quả marketing du lịch. Từ đó đưa ra các phương pháp nghiên cứu nhu cầu của khách hàng, phân tích hành vi tiêu dùng của khách du lịch và các phương thức cung ứng sản phẩm trên cơ sở phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp.
33	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	Học phần Đánh giá tác động môi trường trong du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức về: thủ tục và các bước tiến hành đánh giá tác động môi trường cho dự án phát triển du lịch; xây dựng và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án phát triển du lịch và giám sát các tác động môi trường; đánh giá môi trường chiến lược cho phát triển du lịch.
34	Tâm lý khách du lịch	Học phần Tâm lý khách du lịch trình bày một cách có hệ thống những tri thức cơ bản, hiện đại về tâm lý du khách. Hệ thống tri thức của môn học này là một trong những cơ sở khoa học quan trọng, để người làm việc trong lĩnh vực kinh doanh du lịch có sự định hướng và thực hiện hoạt động của mình nhằm phù hợp với đặc điểm tâm lý của của du khách.
35	Quy hoạch du lịch	Học phần Quy hoạch du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức về: điều kiện quy hoạch du lịch; nội dung điều tra, đánh giá thực trạng kinh doanh du lịch, cũng như xây dựng các định hướng và chiến lược phát triển trong quy hoạch phát triển du lịch; phân tích nhu cầu thị trường du lịch; quy trình lập và thực thi các dự án quy hoạch du lịch; các tác động từ các dự án quy hoạch phát triển du lịch đến tài nguyên môi trường tự nhiên và kinh tế, xã hội.
36	Nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong nghề du lịch	Nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong nghề du lịch là học phần nằm trong hệ thống kiến thức dành cho sinh viên ngành cử nhân Địa lí du lịch. Học phần gồm 2 phần: Lý luận cơ bản về giao tiếp và giao tiếp trong kinh doanh du lịch, trình bày các kiến thức cơ bản như khái niệm, phương tiện giao tiếp, các nguyên tắc giao tiếp cơ bản, các phong cách giao tiếp và một số kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh du lịch.
37	Tổ chức sự kiện du lịch	Học phần Tổ chức sự kiện du lịch là học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ. Nội dung học phần gồm những nội dung chính sau: Đối tượng, quan điểm, phương pháp nghiên cứu môn học; dự toán ngân sách và lập kế hoạch tổ chức sự kiện; đặc điểm của hoạt động tổ chức sự kiện và các yếu tố ảnh hưởng đến sự kiện; các loại hình sự kiện; tác động của sự kiện đến môi trường, chính trị, kinh tế, du lịch và văn hóa xã hội; quy trình thực hiện sự kiện và quản lý rủi ro sự kiện.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
38	Quản trị kinh doanh lữ hành	Quản trị kinh doanh lữ hành là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (Chuyên ngành văn hoá – du lịch). Mục đích chính của môn học là trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về kinh doanh lữ hành và hình thành kỹ năng quản lý, điều hành các hoạt động của doanh nghiệp lữ hành. Thông qua các hoạt động, bài tập được giao, sinh viên còn có cơ hội phát triển các kỹ năng về thuyết trình, báo cáo, hoạt động nhóm. Học phần này còn bổ trợ kiến thức cho các học liên quan đến du lịch như Nghiệp vụ điều hành chương trình du lịch, Quản trị nhân sự du lịch, Thị trường du lịch.
39	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Hướng dẫn nghiệp vụ du lịch là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: Phương pháp tổ chức và thực hiện các hoạt động hướng dẫn du lịch (tổ chức gặp mặt đón đoàn, bố trí lưu trú, ăn uống, tham quan...), phương pháp nghiên cứu để hiểu tâm lý, nhu cầu của khách du lịch. Từ đó phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách du lịch trong quá trình du lịch.
40	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về các sản phẩm, loại hình du lịch, hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức chương trình du lịch. Phương pháp định giá chương trình du lịch, marketing và bán sản phẩm, công tác tổ chức thực hiện chương trình du lịch. Các nội dung của công tác điều hành chương trình du lịch và biện pháp nâng cao hiệu quả của công tác điều hành.
41	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	Nội dung của môn học bao gồm: nghiệp vụ lưu trú, nghiệp vụ nhà hàng, được giảng dạy lý thuyết tại lớp và thực hành thực tế tại doanh nghiệp. Cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến nhận đặt buồng, đón tiếp và làm thủ tục đăng ký khách sạn, phục vụ khách trong thời gian lưu trú, làm thủ tục thanh toán và tiễn khách. Các kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến các phương pháp phục vụ trong bữa ăn.
42	Thương mại điện tử trong du lịch	Học phần trang bị những kiến thức chuyên ngành liên quan đến các kênh thương mại điện tử ứng dụng trong kinh doanh du lịch. Giúp người học xây dựng và quản trị các kênh thương mại điện tử, biết các vấn đề liên quan đến bảo mật và an ninh thương mại điện tử.
43	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch	Học phần ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng tin học cần thiết về các kiến thức chuyên sâu về bộ công cụ Microsoft Office, Google, Canva, Decor Market để sinh viên có thể sử dụng chúng như một công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc học tất các môn học khác cũng như khi đi làm. Sinh viên có kiến thức tổng quan về các ứng dụng của tin học vào trong ngành du lịch, các hệ thống thông tin khách sạn – nhà hàng và cài đặt thử một số phần mềm thiết kế quảng cáo và quản lý công ty du lịch.
44	Phát triển du lịch	Phát triển du lịch bền vững là môn học dành cho sinh viên chuyên ngành Địa lý du lịch. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
	bền vững	du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững
45	Kỹ năng MC và hoạt náo	Học phần <i>Kỹ năng MC và hoạt náo</i> đi vào các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những yêu cầu cơ bản đối với người dẫn chương trình, nhiệm vụ của người dẫn chương trình và hoạt náo (trong chương trình trò chơi, chương trình sự kiện, chương trình team building...)</li> <li>- Các bước chuẩn bị để dẫn một chương trình</li> <li>- Phương pháp viết lời dẫn, nghệ thuật đặt câu hỏi, phong cách dẫn...</li> <li>- Các kỹ năng cần có của hoạt náo viên</li> <li>- Sửa những lỗi phát âm thường gặp</li> </ul>
46	Du lịch biển đảo Việt Nam	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về du lịch biển đảo của Việt Nam, để sinh viên có thể hiểu hơn về tình hình phát triển du lịch ở vùng biển đảo. Tổng quan về du lịch biển đảo Việt Nam; đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên biển đảo phục vụ phát triển du lịch ở Việt Nam, phát triển du lịch biển đảo ở Việt Nam.
47	An ninh và an toàn trong du lịch	Môn học An ninh an toàn trong du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguy cơ gây mất an ninh an toàn trong môi trường kinh doanh dịch vụ du lịch và phương pháp đối phó với từng tình huống cụ thể. Từ những kiến thức được học trong môn an ninh an toàn các sinh viên có được những kiến thức để nhận diện, ngăn chặn và đối phó với các tình huống gây mất an ninh, an toàn cho bản thân, đồng nghiệp và khách hàng, bảo vệ sức khỏe bản thân, đồng nghiệp, khách hàng, bảo vệ tài sản nhà hàng, khách sạn.
48	Du lịch văn hóa	Học phần Du lịch văn hóa giúp người học nắm vững các kiến thức về du lịch văn hóa, kỹ năng nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa của tài nguyên du lịch văn hóa thực trạng và xu thế phát triển du lịch văn hóa Việt Nam nhằm giúp sinh viên hệ thống kiến thức về du lịch văn hóa phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp du lịch, nghiên cứu khoa học và giảng dạy
49	Du lịch sinh thái	Học phần Du lịch sinh thái là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức Chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức về: cơ sở lý luận về du lịch sinh thái; tiềm năng và hiện trạng, định hướng và giải pháp phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam; công tác quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái; đánh giá tác động môi trường một khu hay một tour du lịch sinh thái; hướng dẫn viên du lịch sinh thái.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
50	Du lịch MICE	Du lịch MICE là một trong những môn học liên quan đến việc tổ chức du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, du lịch khen thưởng của các công ty cho nhân viên và đối tác. MICE – viết tắt của Meeting (hội họp), Incentive (khen thưởng), Convention (hội nghị, hội thảo) và Exhibition (triển lãm). Học phần Du lịch Mice cung cấp các kiến thức và kỹ năng loại hình du lịch Mice. Nội dung chính của học phần bao gồm các lý thuyết về đặc điểm, loại hình, môi trường kinh doanh, điều kiện phát triển loại hình du lịch Mice và lợi ích của du lịch Mice trong bối cảnh mới.
51	Địa lí ứng dụng	Địa lí ứng dụng học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Địa lí học – chuyên ngành Địa lí du lịch. Học phần bao gồm những vấn đề liên quan đến những ứng dụng của Địa lí giải quyết những vấn đề thực tiễn trong nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là du lịch. Nội dung chính của học phần tập trung vào sử dụng các công cụ hiện đại trong nghiên cứu địa lý như Hệ thống thông tin địa lý, viễn thám, hệ thống định vị toàn cầu,... để giải quyết những vấn đề trong du lịch như: điều tra, đánh giá tiềm năng lãnh thổ phục vụ quy hoạch phát triển du lịch, thiết kế các chương trình du lịch,...
52	Địa lí đô thị	Địa lí đô thị là 1 học phần tự chọn trong chương trình đào tạo Địa lí học. Nội dung của học phần gồm ba chương, tập trung trình bày những vấn đề chung về đô thị (khái niệm, đặc điểm, vai trò, lịch sử phát triển, phân loại đô thị), quá trình đô thị hóa nói chung, đô thị hóa ở các nước phát triển, đang phát triển và vấn đề tổ chức không gian đô thị. Thông qua học phần này, sinh viên có thể nắm bắt đặc điểm và sự thay đổi mang tính quy luật của mạng lưới đô thị và quá trình đô thị hóa trên thế giới cũng như ở Việt Nam.
53	Địa lí địa phương	Học phần Địa lí địa phương là học phần tự chọn trong khung chương trình. Học phần này giúp người học vận dụng những khối kiến thức đã học cả tự nhiên lẫn kinh tế - xã hội từ đại cương đến Việt Nam vào nghiên cứu từng địa phương cụ thể. Học phần bao gồm những vấn đề cơ bản sau: Những vấn đề cơ bản của nghiên cứu địa lý địa phương, quan điểm và phương pháp nghiên cứu địa lý địa phương, nội dung nghiên cứu địa lý địa phương;
54	Bản đồ học	Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT, giúp người học nắm vững các kiến thức về bản đồ Địa lí như: đặc điểm của bản đồ Địa lí; cơ sở toán học, các phương pháp thể hiện bản đồ, các nhân tố ảnh hưởng và phương pháp tổng quát hoá, phân loại bản đồ. Đồng thời, rèn luyện kỹ năng thành lập và sử dụng bản đồ.
55	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	Học phần cung cấp cho người học quá trình hình thành và mở rộng lãnh thổ Việt Nam trên đất liền qua các thời kì, trong đó nhấn mạnh đến quá trình mở rộng lãnh thổ về phía Nam; hệ thống lý luận về lãnh thổ, về biển đảo; quá trình xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo.
56	Kiến tập	Kiến tập là học phần bắt buộc của chuyên ngành Địa lí du lịch. Học phần kiến tập là kỳ thực tập đầu tiên của sinh viên, được tổ chức khi sinh viên đã có những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành cơ bản. Học phần này giúp



Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		người học hình thành nhận thức cơ bản về môi trường làm việc, lĩnh vực/ngành nghề mình đang theo học; hình thành nền tảng cho tác phong, quy cách làm việc và các kỹ năng làm việc cơ bản; tạo tiền đề xây dựng các mối quan hệ trong công việc tại các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng đồng thời góp phần định hướng nghề nghiệp, định hướng kế hoạch học tập và phát triển bản thân trong suốt thời gian theo học chuyên ngành.
57	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần chuyên ngành Địa lí học nhằm tạo điều kiện giúp sinh viên làm việc tại các cơ sở thực tập (lữ hành, hướng dẫn, khách sạn, nhà hàng, tổ chức sự kiện) để rèn luyện nâng cao hoạt động nghề nghiệp thông qua các hoạt động nghề nghiệp cụ thể. Sinh viên được thực tập tìm hiểu hoạt động nghề nghiệp tại công ty, doanh nghiệp, các ban ngành liên quan nhằm vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn nghề nghiệp.
58	Khóa luận tốt nghiệp	Trong thời gian tiến hành khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải thu thập đầy đủ và chi tiết các tài liệu cần thiết về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu; đồng thời phải có đủ các tài liệu, số liệu về hướng nghiên cứu của đề tài: Địa lí du lịch, địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên - môi trường và ứng dụng GIS - viễn thám trong du lịch.
59	Chuyên đề tốt nghiệp 1: Phát triển và khai thác sản phẩm du lịch	Chuyên đề Phát triển và khai thác các sản phẩm du lịch cung cấp các kiến thức về mặt lí luận về sản phẩm du lịch, bao gồm các vấn đề về quan điểm nội dung và phân loại phát triển sản phẩm du lịch, thực trạng khai thác và phát triển sản phẩm du lịch ở các không gian lãnh thổ khác nhau. Bên cạnh đó, chuyên đề còn rèn luyện cho người học các kĩ năng nghiệp vụ liên quan đến việc thiết lập và khai thác các sản phẩm du lịch, xây dựng các tour tuyến gắn với các sản phẩm du lịch.
60	Chuyên đề tốt nghiệp 2: Tổ chức lãnh thổ du lịch	Học phần Tổ chức lãnh thổ du lịch được thiết kế như là một chuyên đề tự chọn bắt buộc với 3 tín chỉ thực hành. Đây là một trong hai chuyên đề trong chương trình đào tạo ngành Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch) thay thế Khóa luận tốt nghiệp. Chuyên đề này mang đậm tính chất Địa lí du lịch khi xem xét đến vấn đề tổ chức lãnh thổ không gian của ngành. Nội dung của chuyên đề này xoay quanh cơ sở lí luận về tổ chức lãnh thổ và tổ chức lãnh thổ du lịch, về đặc điểm chính của các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch đặc trưng, thực trạng của tổ chức lãnh thổ du lịch ở Việt Nam, và vận dụng được cơ sở lí luận và thực tiễn về tổ chức lãnh thổ du lịch để tiến hành nghiên cứu cơ bản ban đầu về tổ chức lãnh thổ du lịch ở địa phương.

## G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### PHỤ LỤC 1

## H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm về đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ. Chương trình này được định kỳ xem xét rà soát, hiệu chỉnh hằng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

## **K. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **I. Cập nhật chương trình đào tạo**

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trường Khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng và theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 16/4/2015.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật.

### **II. Đánh giá chương trình đào tạo**

Ít nhất 5 năm một lần, Trường đơn vị chuyên môn quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm và theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 14/3/2016.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cải tiến, sửa đổi trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá./.

**TRƯỜNG KHOA**



**TS. Nguyễn Thanh Tường**



**PGS. TS. Lưu Trang**